



THÔNG SỐ NHÂN LỰC TRỰC TUYẾN

Ghi nhận các xu hướng cung cầu nhân lực trực tuyến qua VietnamWorks.com

THÁNG 10-2009

MỤC LỤC

XU HƯỚNG CUNG CẦU NHÂN LỰC TRỰC TUYẾN 3

 Khoảng cách nhân lực tiếp tục rút ngắn nhờ cầu tăng, cung giảm..... 3

 Xu hướng mới trong quý III/2009..... 3

 Nhóm năm ngành nghề có chỉ số cung-cầu nhân lực trực tuyển cao nhất..... 4

 Phân bố công việc theo địa phương 5

 Nhu cầu nhân lực theo cấp bậc 6

CHỈ SỐ CẠNH TRANH NHÂN LỰC 6

 Năm ngành nghề cạnh tranh nhất..... 7

 Chỉ số cạnh tranh nhân lực theo cấp bậc 7

 Chỉ số cạnh tranh nhân lực theo địa phương 8

ĐỊNH NGHĨA 9

THÔNG SỐ NHÂN LỰC TRỰC TUYẾN 10

 Chỉ số Cầu 10

 Chỉ số Cung 11

www.vietnamworks.com

XU HƯỚNG CUNG CẦU NHÂN LỰC TRỰC TUYẾN

Khoảng cách nhân lực tiếp tục rút ngắn nhờ cầu tăng, cung giảm

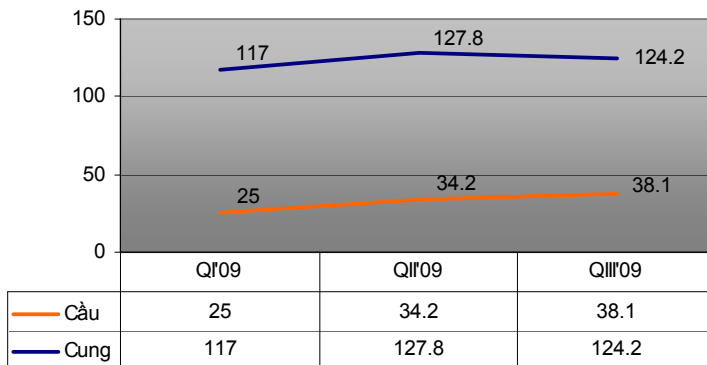
Bước sang quý III/2009, chỉ số cầu nhân lực trực tuyến tiếp tục tăng, cho thấy thị trường lao động đang dần hồi phục.

Chỉ số cầu nhân lực trực tuyến trong quý III/2009 tăng 11,4% so với quý II/2009 và tăng 52,4% so với quý đầu năm 2009. Cụ thể, chỉ số cầu nhân lực trực tuyến của 24/50 ngành nghề theo phân loại của VietnamWorks.com tăng, 21 ngành nghề khác không thay đổi và 5 ngành nghề còn lại giảm. Trong số những ngành nghề có chỉ số cầu nhân lực trực tuyến tăng, ngành Nông/Lâm Nghiệp có mức tăng cao nhất, tăng 100% so với quý II/2009, dù trên thực tế chỉ số cầu nhân lực trực tuyến của ngành này không phải là cao, chỉ ở mức 0.2. Ngược lại, chỉ số cầu nhân lực ngành Dệt May giảm nhiều nhất trong quý, giảm 25% so với quý trước.

Về cung nhân lực trực tuyến, Nông/Lâm Nghiệp cũng chính là ngành có mức tăng trưởng cao nhất, đạt 20% so với quý II/2009. Trong khi đó, chỉ số cung nhân lực trực tuyến ngành Xây Dựng giảm nhiều nhất, giảm đi 13,9% so với quý II/2009. Nhìn chung, chỉ số cung nhân lực trực tuyến trong quý III/2009 giảm nhẹ ở mức 2,8% so với quý II/2009, nhưng vẫn cao hơn 6,2% so với quý I/2009. So với quý II/2009, chỉ có 7/50 ngành nghề có chỉ số cung nhân lực trực tuyến tăng, chỉ số cung nhân lực trực tuyến trong 19 ngành không thay đổi và 24 ngành còn lại giảm. Chỉ số cung nhân lực trực tuyến giảm trong quý III/2009 có thể là do tình hình nhậy việc trên thị trường lao động đã chứng lại trong thời gian qua.

Nhìn chung, sự gia tăng chỉ số cầu nhân lực trực tuyến trong hai quý liên tiếp trong năm 2009, cùng với sự sụt giảm của cung nhân lực trực tuyến, đã giúp rút ngắn khoảng cách nhân lực và làm giảm bớt áp lực đối với người tìm việc. Giờ đây, thị trường đã bắt đầu hồi phục, các công ty đang chuyển dần sang trạng thái phát triển và thị trường lao động đang nóng dần lên cùng với nhiều hoạt động tuyển dụng. Tuy nhiên, sẽ phải mất thêm thời gian thị trường lao động mới có thể sôi động như cách đây khoảng 18 tháng. Người tìm việc nói chung nên lưu ý rằng trong thời gian hiện tại, họ vẫn khó có thể “mặc cả” với nhà tuyển dụng khi đàm phán lương.

Cung - Cầu QIII'09

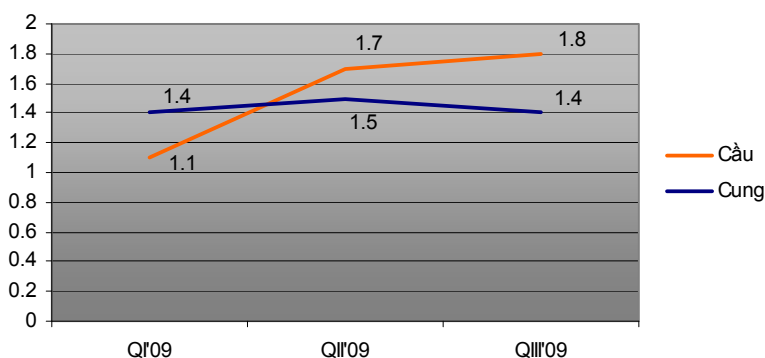


Biểu đồ 1 – Nguồn: VietnamWorks.com

Xu hướng mới trong quý III/2009

Đặc biệt trong quý này, nhu cầu nhân lực ngành Tiếp Thị tiếp tục gia tăng và đây là ngành duy nhất trong 50 ngành nghề phân loại trên www.vietnamworks.com có chỉ số cầu nhân lực trực tuyến cao hơn hẳn chỉ số cung nhân lực trực tuyến. Hơn nữa, khoảng cách cung-cầu trong ngành này tăng trong hai quý liên tiếp cho thấy thị trường lao động đang thiếu chuyên viên Tiếp Thị thạo nghề.

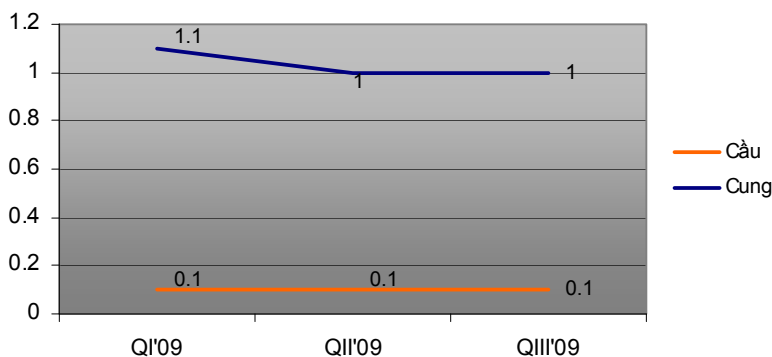
Cung - Cầu ngành Tiếp Thị - QIII'09



Biểu đồ 2 – Nguồn: VietnamWorks.com

Cùng với xu hướng gia tăng chỉ số cầu nhân lực trực tuyến trong quý III/2009, thị trường lao động trong quý vừa qua cũng chứng kiến xu hướng mới trong tuyển dụng nhân sự Người Nước Ngoài cho các vị trí quản lý. Kinh tế suy thoái, người nước ngoài, kể cả Việt Kiều, có xu hướng đến Việt Nam tìm việc, hình thành một xu hướng mới tạm gọi là “Tuyển nhân sự quốc tế với giá địa phương”. Họ có kinh nghiệm và kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế, nhưng đã sống tại Việt Nam và thực sự muốn ở lại nên nhà tuyển dụng không phải tốn thêm chi phí để họ chuyển đến đây. Vì vậy, nếu suy nghĩ thực tế hơn về mức lương thưởng, họ có thể tìm được công việc với vị trí thỏa đáng.

Cung - Cầu nhân lực Người Nước Ngoài - QIII'09



Biểu đồ 3 – Nguồn: VietnamWorks.com

Theo thống kê, nhu cầu nhân lực cho các vị trí quản lý cấp cao không quá nhiều về mặt số lượng nếu so với các cấp bậc khác. Đồng thời, chỉ số cung nhân lực trực tuyến Người Nước Ngoài vẫn cao hơn so với chỉ số cầu nhân lực trực tuyến (1.0 so với 0.1).

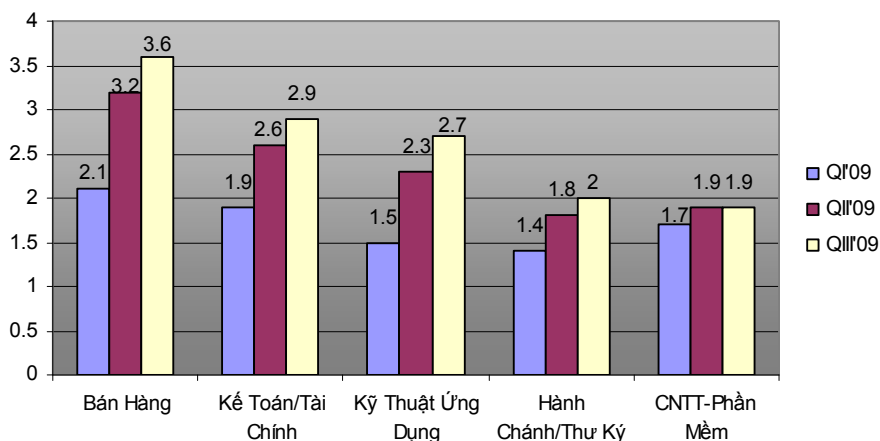
Nhóm năm ngành nghề có chỉ số cung-cầu nhân lực trực tuyến cao nhất

Trong quý III/2009, nhóm các ngành nghề có chỉ số cung – cầu nhân lực trực tuyến cao nhất không thay đổi so với quý trước.

Về nhóm Năm Ngành Nghề có chỉ số cầu nhân lực trực tuyến cao nhất, đây là những ngành nghề luôn luôn cần nhân lực bất chấp tình hình kinh tế. Trong quý vừa qua, Bán Hàng có chỉ số cầu nhân lực trực tuyến cao nhất, tăng 12,5% so với quý II/2009. Các ngành xếp ở những vị trí tiếp theo bao gồm Kế Toán/Tài Chính, Kỹ Thuật Ứng Dụng, Hành Chính/Thư Ký và CNTT – Phần Mềm. Trong tất cả 5 ngành nghề này, ngoại trừ ngành CNTT – Phần Mềm

có chỉ số cầu nhân lực trực tuyển không thay đổi, nhu cầu nhân lực trong bốn ngành còn lại tăng so với quý II/2009.

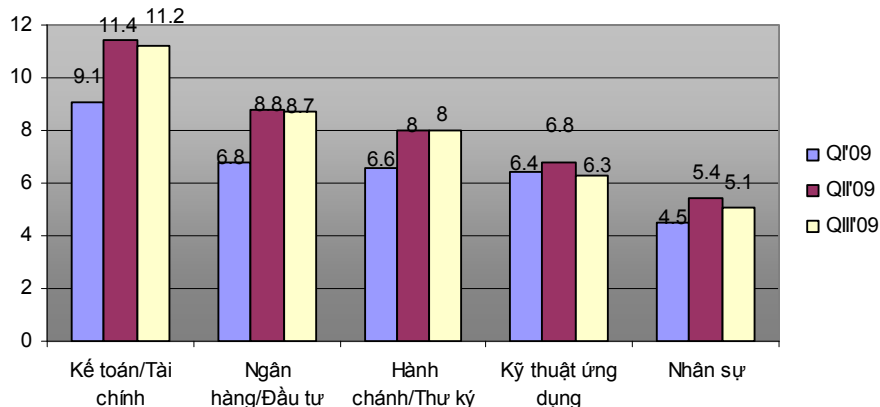
Năm ngành nghề có chỉ số cầu nhân lực cao nhất - QIII'09



Biểu đồ 4 – Nguồn: VietnamWorks.com

Trong khi đó, ở nhóm Năm Ngành Nghề có chỉ số cung nhân lực trực tuyển cao nhất trong quý III/2009, chỉ số cung nhân lực trực tuyển của tất cả năm ngành đều không tăng. Ngoại trừ ngành Hành Chính/Thư Ký có chỉ số cung nhân lực trực tuyển không thay đổi, các ngành còn lại như Kế Toán/Tài Chính, Ngân Hàng/Đầu Tư, Kỹ Thuật Ứng Dụng và Nhân Sự đều tăng trưởng âm.

Năm ngành nghề có chỉ số cung nhân lực cao nhất - QIII'09

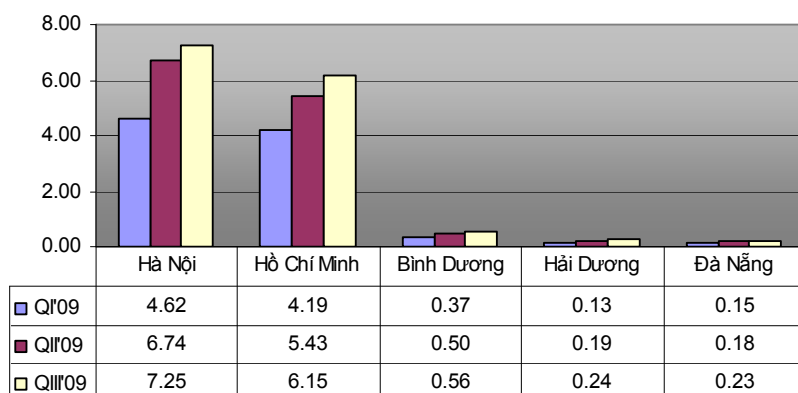


Biểu đồ 5 – Nguồn: VietnamWorks.com

Phân bố công việc theo địa phương

Hà Nội tiếp tục là thành phố hấp dẫn nhất về mặt cơ hội nghề nghiệp, có chỉ số cầu nhân lực trực tuyển cao nhất, tăng 7,5% so với quý trước và tăng 56,7% so với quý I/2009. Xếp thứ hai là TP.HCM, tăng 13,2% so với quý II/2009 và xếp ở các thứ tự tiếp theo là Bình Dương, Hải Dương và Đà Nẵng. Nhìn chung, chỉ số cầu nhân lực trực tuyển ở đa số các địa phương đều có xu hướng tăng so với quý trước, giúp tạo ra nhiều cơ hội việc làm hơn cho người tìm việc.

Năm địa phương có chỉ số cầu nhân lực cao nhất - QIII'09

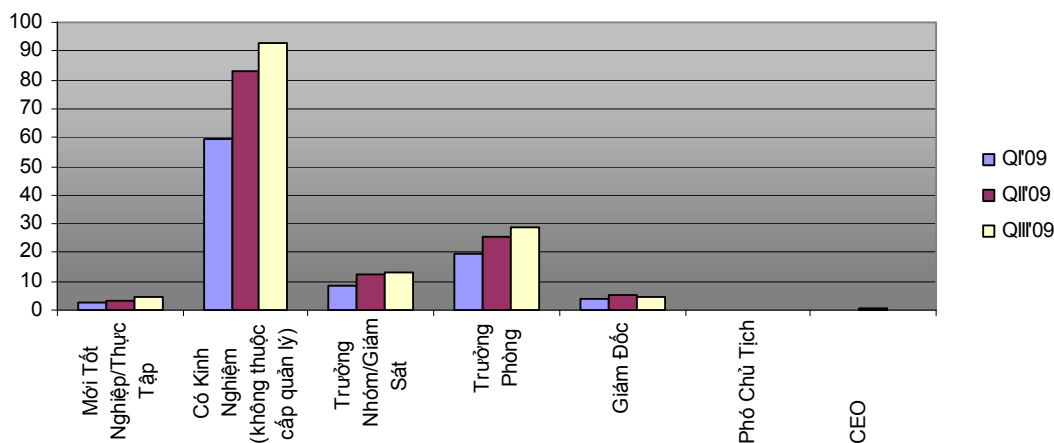


Biểu đồ 6 – Nguồn: VietnamWorks.com

Nhu cầu nhân lực theo cấp bậc

Xét trên bình diện cầu nhân lực theo cấp bậc, chỉ số cầu nhân lực trực tuyển ở các cấp từ thấp đến quản lý bậc trung như Mới Tốt Nghiệp/Thực Tập, Có Kinh Nghiệm (không thuộc cấp quản lý), Trưởng Nhóm/Giám Sát và Trưởng Phòng tăng trong quý III/2009. Ngược lại, ở cấp bậc Giám Đốc, Phó Chủ Tịch và CEO, chỉ số cầu nhân lực trực tuyển có xu hướng giảm so với quý trước.

Nhu cầu nhân lực theo cấp bậc - QIII'09



Biểu đồ 7 – Nguồn: VietnamWorks.com

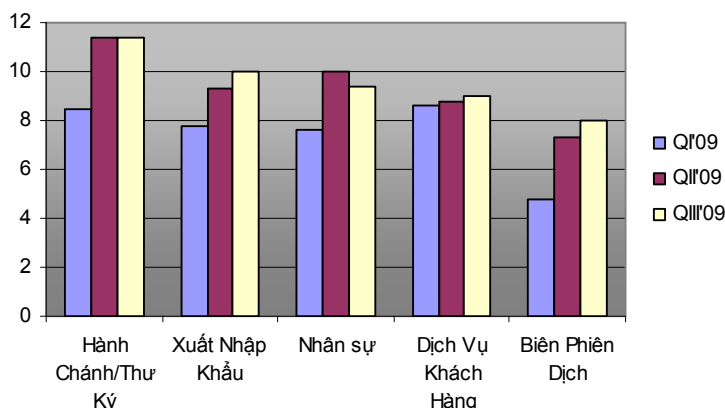
CHỈ SỐ CẠNH TRANH NHÂN LỰC

Chỉ số cạnh tranh nhân lực phản ánh mức độ quan tâm của ứng viên đối với những công việc đăng tuyển trên www.vietnamworks.com, tương ứng với từng ngành nghề, theo từng cấp độ và tại những địa phương cụ thể. Chỉ số cạnh tranh nhân lực trong quý III/2009 đạt mức 6.4, không thay đổi so với quý II/2009. Điều này cũng đồng nghĩa người tìm việc vẫn khó có thể tìm được công việc phù hợp trong quý vừa qua. Tính cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong thời gian gần đây, xét trên một mặt nào đó, có ảnh hưởng tích cực đến lực lượng lao động nói chung. Vì nhờ vậy, người lao động có thêm động lực để học hỏi và trưởng thành hơn vì họ cân nhắc cẩn thận hơn trước khi quyết định nhận việc, nghĩ về sự ổn định nghề nghiệp và cơ hội phát triển cá nhân một cách dài hạn hơn.

Năm ngành nghề cạnh tranh nhất

Trong quý III/2009, Hành Chính/Thư Ký, Xuất Nhập khẩu, Nhân Sự, Dịch Vụ Khách Hàng và Biên-Phiên Dịch tiếp tục là những ngành cạnh tranh nhất. Chỉ số cạnh tranh nhân lực ngành Hành Chính/Thư Ký vẫn như quý trước, đạt mức 11.4 và là ngành có chỉ số cạnh tranh cao nhất trong quý. Trong khi đó, chỉ số cạnh tranh nhân lực ngành Nhân Sự giảm 6,0% dù rằng ngành này vẫn được xếp vào danh sách “nóng” trong quý.

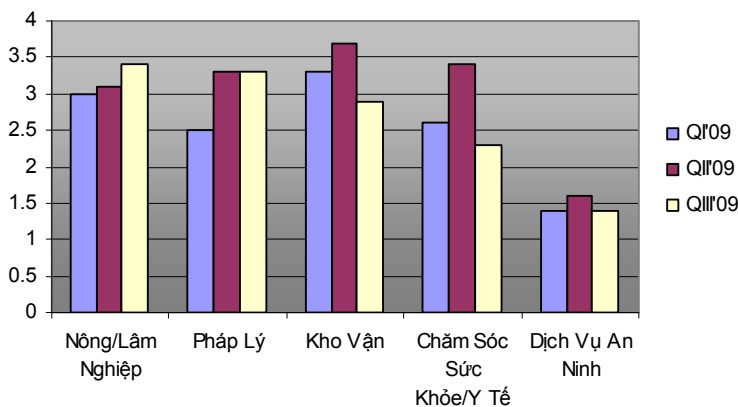
Năm ngành nghề cạnh tranh nhất - QIII'09



Biểu đồ 8 – Nguồn: VietnamWorks.com

Trong khi đó, Dịch Vụ An Ninh là ngành có chỉ số cạnh tranh nhân lực thấp nhất trong quý. Nằm trong nhóm năm ngành nghề ít cạnh tranh nhất còn có ngành Chăm Sóc Sức Khỏe/Y Tế, Kho Vận, Pháp Lý và Nông/Lâm Nghiệp.

Năm ngành nghề ít cạnh tranh nhất - QIII'09

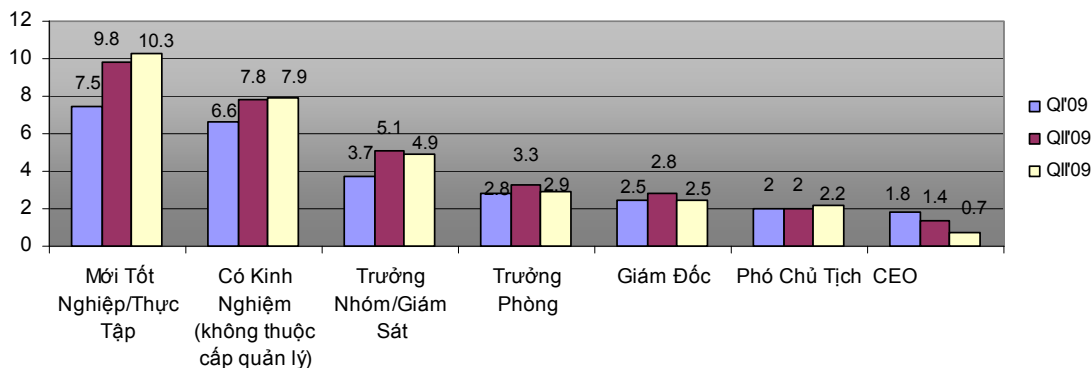


Biểu đồ 9 – Nguồn: VietnamWorks.com

Chỉ số cạnh tranh nhân lực theo cấp bậc

Tính theo cấp bậc, so với quý II/2009, tính cạnh tranh ở các cấp bậc như Mới Tốt Nghiệp/Thực Tập, Có Kinh Nghiệm (không thuộc cấp quản lý) và Phó Chủ Tịch tăng nhẹ lần lượt ở mức 5.1%; 1,3% và 10%. Mức độ cạnh tranh ở các cấp bậc khác có giảm đôi chút so với quý trước.

Chỉ số cạnh tranh nhân lực theo cấp bậc - QIII'09

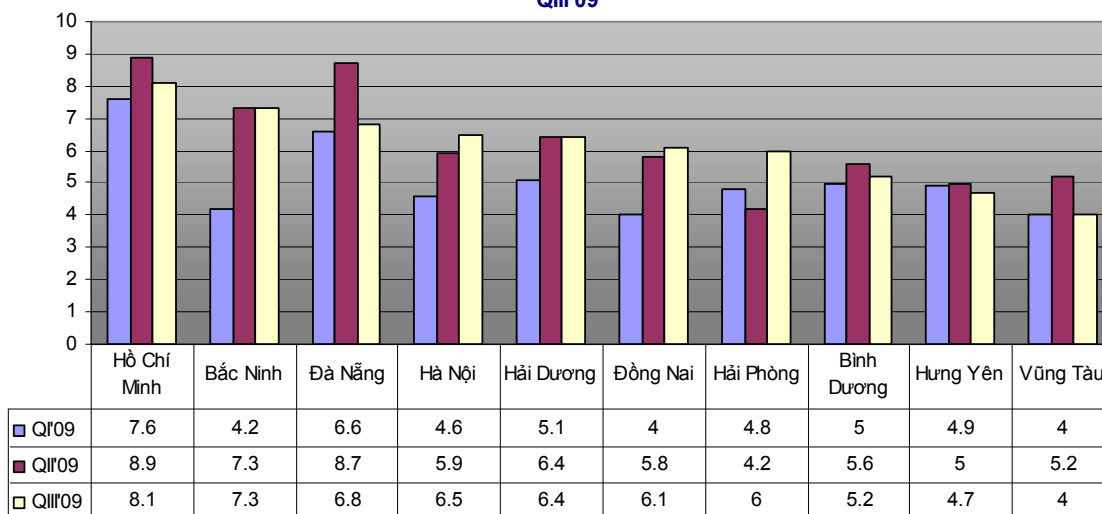


Biểu đồ 10 – Nguồn: VietnamWorks.com

Chỉ số cạnh tranh nhân lực theo địa phương

Trong số những địa phương có chỉ số cầu nhân lực trực tuyến cao nhất trong quý III/2009, TP.HCM tiếp tục là thành phố có mức độ cạnh tranh nghề nghiệp cao nhất trong khi chỉ số cạnh tranh nhân lực tại Vũng Tàu ở mức thấp nhất. Hà Nội dù có chỉ số cầu nhân lực trực tuyến cao nhất, vẫn là nơi ứng viên có thể tìm việc dễ dàng hơn so với các địa phương khác trong nhóm này.

Chỉ số cạnh tranh nhân lực ở những địa phương có chỉ số cầu nhân lực cao nhất - QIII'09



Biểu đồ 11 – Nguồn: VietnamWorks.com

THÔNG SỐ NHÂN LỰC TRỰC TUYẾN – PHIÊN BẢN 2009

Báo cáo Thông số Nhân lực Trực tuyến của VietnamWorks.com là bản tổng kết hàng quý về tình hình cung – cầu nhân lực trực tuyến được ghi nhận thông qua trang web www.vietnamworks.com. Chỉ số cung – cầu nhân lực trực tuyến không phải là số lượng việc làm hay số lượng hồ sơ tìm việc đăng trên trang web www.vietnamworks.com, mà là chỉ số thể hiện xu hướng của thị trường lao động trong từng ngành nghề cụ thể, từng cấp bậc và trên khắp các tỉnh thành Việt Nam.

ĐỊNH NGHĨA

- **Chỉ số cầu** – được tính trên cơ sở số lượng việc làm mới, hợp lệ và đăng tuyển trên trang web của VietnamWorks.com trong quý. Chỉ số này phản ánh những thay đổi dữ liệu theo thời gian một cách tương đối.
- **Chỉ số cung** – được tính trên cơ sở số lượng hồ sơ mới được tạo ra trong quý trên trang web của VietnamWorks.com, đạt điều kiện để nhà tuyển dụng tra cứu. Chỉ số này phản ánh những thay đổi dữ liệu theo thời gian một cách tương đối.
- **Việc làm đăng tuyển** – là việc làm do nhà tuyển dụng đăng trên www.vietnamworks.com để thông báo tuyển dụng cho một vị trí cụ thể.
- **Hồ sơ tìm việc** – do người tìm việc soạn thảo, đăng trên www.vietnamworks.com và nhà tuyển dụng có thể tra cứu được.
- **Chỉ số cạnh tranh nhân lực** – được tính trên cơ sở số lượng hồ sơ tìm việc ứng tuyển cho một việc làm đăng tuyển trên www.vietnamworks.com thông qua chức năng “Nộp đơn” trên trang web.
- **Ngành nghề** - do VietnamWorks.com phân loại để người dùng dễ dàng truy cập vào các việc làm đăng tuyển trong từng danh mục ngành nghề cụ thể. Hiện tại, VietnamWorks.com phân loại thành 50 ngành nghề trên website.
- **Cấp bậc nghề nghiệp** – là cách phân loại đối với các vị trí tuyển dụng.
- **Người tìm việc** – là bất kỳ người nào có soạn thảo hồ sơ đăng trên www.vietnamworks.com hoặc ứng tuyển vào một vị trí tuyển dụng thông qua trang web này.
- **Nhà tuyển dụng** – là những tổ chức và cá nhân có đăng tuyển trên trang web của VietnamWorks.com.
- **Địa phương** – chỉ những tỉnh thành có cơ hội việc làm cho người tìm việc.

CHỈ SỐ CẦU

STT.	Ngành nghề	QI'09	QII'09	QIII'09
1	Kế toán/Tài chính	1.9	2.6	2.9
2	Hành chính/Thư ký	1.4	1.8	2
3	Quảng cáo/Khuyến mãi/Đối ngoại	0.5	0.8	0.8
4	Nông nghiệp/Lâm nghiệp	0.1	0.1	0.2
5	Kiến trúc	0.3	0.4	0.4
6	Dược/Công nghệ sinh học	0.3	0.3	0.3
7	Xây dựng	0.8	1.2	1.5
8	Tư vấn	0.2	0.2	0.3
9	Nghệ thuật/Thiết kế	0.3	0.4	0.4
10	Dịch vụ khách hàng	0.4	0.5	0.6
11	Giáo dục/Đào tạo/Thư viện	0.3	0.5	0.5
12	Kỹ thuật ứng dụng	1.5	2.3	2.7
13	Mới tốt nghiệp/Thực tập	0.4	0.6	0.8
14	Môi trường/Xử lý chất thải	0.1	0.1	0.1
15	Quản lý điều hành	1.3	1.7	1.5
16	Người nước ngoài	0.1	0.1	0.1
17	Xuất nhập khẩu	0.4	0.6	0.7
18	Phi chính phủ/Phi lợi nhuận	0.3	0.4	0.6
19	Chăm sóc sức khỏe/Y tế	0.2	0.3	0.3
20	Nhân sự	0.6	0.8	0.9
21	Bảo hiểm	0.2	0.2	0.2
22	Pháp lý	0.2	0.3	0.3
23	Sản xuất	1.1	1.5	1.8
24	Tiếp thị	1.1	1.7	1.8
25	Dầu khí/Khoáng sản	0.2	0.2	0.2
26	Bất động sản	0.3	0.5	0.5
27	Nhà hàng/Dịch vụ ăn uống	0.2	0.2	0.2
28	Bán sỉ/Bán lẻ	0.1	0.1	0.2
29	Bán hàng	2.1	3.2	3.6
30	Bán hàng kỹ thuật	0.7	0.7	1
31	CNTT-Phần mềm	1.7	1.9	1.9
32	Vận chuyển/Hậu cần	0.5	0.6	0.7
33	Du lịch/Khách sạn	0.4	0.6	0.8
34	Khác	0.1	0.1	0.1
35	Viễn thông	0.7	0.7	0.9
36	Ngân hàng/Đầu tư	1	1.5	1.7
37	Hóa chất/Sinh hóa	0.2	0.2	0.3
38	Mỹ phẩm	0.1	0.1	0.1
39	Da giày	0.1	0.1	0.1
40	Đồ gỗ/Nội thất	0.1	0.2	0.2
41	Biên phiên dịch	0.5	0.6	0.7
42	Báo chí	0.1	0.2	0.2
43	Vật tư	0.2	0.4	0.4
44	Dịch vụ an ninh	0	0	0
45	Thời vụ/Hợp đồng	0	0	0
46	Dệt may	0.3	0.4	0.3
47	Kho vận	0.2	0.2	0.3
48	Thực phẩm/Đồ uống	0.2	0.3	0.4
49	CNTT-Phần cứng/Mạng	1.2	1.4	1.3
50	Chứng khoán	0.1	0.3	0.3

www.vietnamworks.com

CHỈ SỐ CUNG

STT.	Ngành nghề	QI'09	QII'09	QIII'09
1	Kế toán/Tài chính	9.1	11.4	11.2
2	Hành chính/Thư ký	6.6	8	8
3	Quảng cáo/Khuyến mãi/Đối ngoại	3.3	3.4	3.3
4	Nông nghiệp/Lâm nghiệp	0.5	0.5	0.6
5	Kiến trúc	1	0.8	0.8
6	Dược/Công nghệ sinh học	1	1.1	1.1
7	Xây dựng	3.7	3.6	3.1
8	Tư vấn	1.9	2	2
9	Nghệ thuật/Thiết kế	1.6	1.5	1.4
10	Dịch vụ khách hàng	4.5	4.9	4.8
11	Giáo dục/Đào tạo/Thư viện	2.3	2.7	2.6
12	Kỹ thuật ứng dụng	6.4	6.8	6.3
13	Môi trường/Thực tập	2.8	3.1	3.3
14	Môi trường/Xử lý chất thải	1	1.1	1.1
15	Quản lý điều hành	4.6	4.8	4.4
16	Người nước ngoài	1.1	1	1
17	Xuất nhập khẩu	3.5	4	4.1
18	Phi chính phủ/Phi lợi nhuận	1.6	1.6	1.6
19	Chăm sóc sức khỏe/Y tế	0.4	0.4	0.4
20	Nhân sự	4.5	5.4	5.1
21	Bảo hiểm	0.8	0.7	0.8
22	Pháp lý	0.6	0.7	0.7
23	Sản xuất	3.4	3.2	3
24	Tiếp thị	1.4	1.5	1.4
25	Dầu khí/Khoáng sản	1.8	1.8	1.6
26	Bất động sản	2	2	2.2
27	Nhà hàng/Dịch vụ ăn uống	0.7	0.8	0.7
28	Bán sỉ/Bán lẻ	1.3	1.3	1.2
29	Bán hàng	4.8	5.3	5
30	Bán hàng kỹ thuật	4.1	4.2	3.9
31	CNTT-Phần mềm	4.3	4.2	4.2
32	Vận chuyển/Hậu cần	0.9	0.8	0.7
33	Du lịch/Khách sạn	3.1	3.6	3.3
34	Khác	1.7	1.9	1.8
35	Viễn thông	2.4	2.5	2.4
36	Ngân hàng/Đầu tư	6.8	8.8	8.7
37	Hóa chất/Sinh hóa	1.4	1.4	1.4
38	Mỹ phẩm	0.6	0.5	0.5
39	Da giày	0.3	0.3	0.3
40	Đồ gỗ/Nội thất	0.9	0.8	0.8
41	Biên phiên dịch	2	2.4	2.3
42	Báo chí	0.9	1	1
43	Vật tư	0.8	0.8	0.7
44	Dịch vụ an ninh	0.1	0.1	0.1
45	Thời vụ/Hợp đồng	0.2	0.2	0.2
46	Dệt may	0.8	0.9	0.9
47	Kho vận	0.9	0.9	0.9
48	Thực phẩm/Đồ uống	1.5	1.4	1.5
49	CNTT-Phần cứng/Mạng	4	3.9	3.8
50	Chứng khoán	1.4	1.9	2.1